

Họ và tên:.....Lớp:.....

Câu 1. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào chưa chính xác?

- A. While là lệnh lặp với số lần không biết trước.
- B. For là lệnh lặp với số lần xác định trước.
- C. Khối lệnh lặp while được thực hiện cho đến khi <điều kiện> = False.
- D. Số lần lặp của lệnh lặp for luôn được xác định bởi vùng giá trị của lệnh range().**

Câu 2. Cho đoạn chương trình python sau:

```
Tong = 0
while Tong < 10:
    Tong = Tong + 1
```

Sau khi đoạn chương trình trên được thực hiện, giá trị của tổng bằng bao nhiêu:

- A. 9.
- B. 10.**
- C. 11.
- D. 12.

Câu 3. Cho biết kết quả của đoạn chương trình dưới đây:

```
a = 10
while a < 11: print(a)
```

- A. Trên màn hình xuất hiện một số 10.
- B. Trên màn hình xuất hiện 10 chữ a.
- C. Trên màn hình xuất hiện một số 11.
- D. Chương trình bị lặp vô tận.**

Câu 4. Tính tổng $S = 1 + 2 + 3 + 4 + \dots + n + \dots$ cho đến khi $S > 10000$. Điều kiện nào sau đây cho vòng lặp while là đúng:

- A. while $S \geq 10000$.
- B. while $S < 10000$.
- C. while $S \leq 10000$.**
- D. While $S > 10000$.

Câu 5. Chọn đáp án đúng nhất:

```
i = 0; x = 0
while i < 10:
    if i%2 == 0:
        x += 1
    i += 1
print(x)
```

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.**

Câu 6. Đoạn lệnh sau làm nhiệm vụ gì?

```
A = []
for x in range(10):
    1. append(int(input()))
```

- A. Nhập dữ liệu từ bàn phím cho mảng A có 10 phần tử là số nguyên.**
- B. Nhập dữ liệu từ bàn phím cho mảng A có 10 phần tử là số thực.
- C. Nhập dữ liệu từ bàn phím cho mảng A có 10 phần tử là xâu.
- D. Không có đáp án đúng.

Câu 7. Chọn phát biểu đúng khi nói về dữ liệu kiểu danh sách (List) trong python.

A. Dữ liệu kiểu mảng là tập hợp các phần tử không có thứ tự và mọi phần tử có cùng một kiểu dữ liệu.

B. Dữ liệu kiểu mảng là tập hợp các phần tử có thứ tự và mỗi một phần tử trong mảng có thể có các kiểu dữ liệu khác nhau.

C. Dữ liệu kiểu mảng là tập hợp các phần tử có thứ tự và mọi phần tử phải có cùng một kiểu dữ liệu.

D. Tất cả ý trên đều sai.

Câu 8. Cho khai báo danh sách sau:

A = "3456789"

Đề in giá trị phần tử thứ 2 của danh sách A ra màn hình ta viết:

A. print(A[2]).

B. print(A[1]).

C. print(A[3]).

D. print(A[0]).

Câu 9. Chương trình sau thực hiện công việc gì?

A=[]

for i in range(1, 1001):

if(i % 7 == 0) and (i % 5 !=0):

A.append(str(i))

print(','.join(A))

A. Tìm tất cả các số chia hết cho 7 nhưng không phải bội số của 5, nằm trong đoạn 1 và 1000.

B. Tìm tất cả các số chia hết cho 7 nhưng không phải bội số của 5, nằm trong đoạn 1 và 1000 và chuỗi thu được in trên một dòng, có dấu “,” ngăn cách giữa các số.

C. Tìm tất cả các số chia hết cho 7 và là bội số của 5, nằm trong đoạn 1 và 1000.

D. Tìm tất cả các số không chia hết cho 7 nhưng là phải bội số của 5, nằm trong đoạn 1 và 1000.

Câu 10. Đối tượng dưới đây thuộc kiểu dữ liệu nào?

A = [1, 2, '3']

A. list.

B. int.

C. float.

D. string.

Câu 11. Cho arr = ['xuan', 'hạ', 1, 4, 'đông', '3', 4.5, 7]. Đây là giá trị của arr[3]?

A. 1.4.

B. đông.

C. hạ.

D. 3.

Câu 12. Lệnh nào để duyệt từng phần tử của danh sách?

A. for.

B. while – for.

C. for kết hợp với lệnh range().

D. while kết hợp với lệnh range().

Câu 13. Lệnh xóa một phần tử của một danh sách A có chỉ số i là:

A. list.del(i).

B. A. del(i).

C. del A[i].

D. A. del[i].

Câu 14. Toán tử nào dùng để kiểm tra một giá trị có nằm trong danh sách không?

A. in.

B. int.

C. range.

D. append.

Câu 15. Sau khi thực hiện các câu lệnh sau, mảng A như thế nào?

```
>>> A = [1, 2, 3, 4, 5]
```

```
>>> A.remove(2)
```

```
>>> print(A)
```

A. [1, 2, 3, 4].

B. [2, 3, 4, 5].

C. [1, 2, 4, 5].

D. [1, 3, 4, 5].

Câu 16. Trong Python, câu lệnh nào dùng để tính độ dài của chuỗi s?

A. len(s).

B. length(s).

C. s.len().

D. s.length().

Câu 17. Có bao nhiêu chuỗi ký tự nào hợp lệ?

1) "123_@##"

2) "hoa hau"

3) "346h7g84jd"

4) python

5) "01028475"

6) 123456

A. 5.

B. 6.

C. 4.

D. 3

Câu 18. Chuỗi "1234%^%^TFRESDRG" có độ dài bằng bao nhiêu?

A. 16.

B. 17.

C. 18.

D. 15.